

PHỤ LỤC 1: DU LỊCH

PHỤ LỤC 1.1: DANH MỤC KHU DU LỊCH CẤP QUỐC GIA, KHU DU LỊCH CẤP TỈNH QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030

STT	Khu du lịch cấp tỉnh	Địa điểm	Ghi chú
A	QUY HOẠCH KHU DU LỊCH CẤP QUỐC GIA		
1	Khu du lịch quốc gia Tân Trào	Các Xã: Tân Trào, Minh Thanh, Trung Sơn, Hùng Lợi	Quyết định số 2073/QĐ-TTg ngày 22/12/2017; Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024
2	Khu du lịch quốc gia Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn	Các Xã vùng Công viên địa chất	Quyết định số 2057/QĐ-TTg ngày 21/12/2017; Quyết định 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024
3	Khu du lịch sinh thái cấp quốc gia Na Hang - Lâm Bình	Các Xã: Thượng Lâm, Lâm Bình, Nà Hang, Hồng Thái, Thượng Nông, Yên Hoa, Côn Lôn	Định hướng thành lập khu du lịch quốc gia căn cứ theo Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024
B	QUY HOẠCH KHU DU LỊCH CẤP TỈNH		
1	Khu nghỉ dưỡng Hmong village	Xã Lũng Tám	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 của UBND tỉnh Hà Giang
2	Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	Phường Mỹ Lâm	Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
3	Khu du lịch thảo nguyên Suối Thầu	Xã Pà Vầy Sủ	Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng Quản Bạ	Xã Quản Bạ	Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023
5	Khu du lịch Du Già	Xã Du Già	Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023
6	Khu du lịch Lũng Cú	Xã Lũng Cú	Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023
7	Khu du lịch Nho Quế 1	Xã Mèo Vạc	Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023

STT	Khu du lịch cấp tỉnh	Địa điểm	Ghi chú
8	Khu du lịch Nậm Hồng	Xã Thông Nguyên	Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023
9	Khu du lịch Chiêu Lầu Thi	Xã Hồ Thầu	Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13/11/2023
10	Khu du lịch nghỉ dưỡng Khau Tràng	Xã Hồng Thái	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
11	Khu du lịch sinh thái thôn Hùng An	Xã Hồ Thầu	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
12	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Hoàng Su Phì	Xã Nậm Dịch	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
13	Khu du lịch nghỉ dưỡng bungalow Hoàng Su Phì	Xã Thông Nguyên	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
14	Khu du lịch bảo tồn phát triển chè San Tuyết cổ thụ	Xã Nậm Dịch	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
15	Khu du lịch tổng hợp nghỉ dưỡng và giải trí sáng tạo Bách Thảo Ngân	Phường Minh Xuân	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
16	Khu Du lịch sinh thái Piu kết hợp bảo tồn phục dựng bản sắc văn hoá các dân tộc	Xã Ngọc Đường	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
17	Dự án khu Lâm viên Phiêng Bung thôn Nà Chang	Xã Nà Hang	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
18	Khu Papiu - Lũng Hồ 1	Thôn Phìn Tỳ B, xã Du Già	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
19	Khu Papiu Lũng Hồ 2	Xã Đường Thượng	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
20	Khu du lịch Khâu Vai	Xã Khâu Vai	Bổ sung mới vào quy hoạch tỉnh
	Các khu du lịch cấp tỉnh khác theo định hướng phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2025-2030		Bổ sung vào quy hoạch tỉnh khi phát hiện khu vực có tiềm năng

PHỤ LỤC 1.2: DANH MỤC ĐIỂM DU LỊCH
QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
A	Điểm du lịch Làng văn hoá du lịch (VHDL) cộng đồng		
1	Làng VHDL tiêu biểu dân tộc Lô Lô thôn Lô Lô Chải	Xã Lũng Cú	Công nhận 2022
2	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Tha	Phường Hà Giang 1	Công nhận 2024
3	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Nậm Hồng	Xã Thông Nguyên	Công nhận 2019
4	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Ràng	Xã Khuôn Lùng	Công nhận 2021
5	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Quảng Hạ	Xã Quảng Nguyên	Công nhận 2025
6	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Chì	Xã Xuân Giang	Công nhận 2021
7	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Lũng Cam Trên	Xã Sà Phìn	Công nhận 2020
8	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ	Xã Mèo Vạc	Công nhận 2020
9	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Tông	Xã Thượng Lâm	Công nhận 2017
10	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Đông	Xã Thượng Lâm	Công nhận 2017
11	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Nậm Díp	Xã Lâm Bình	Công nhận 2017
12	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Nà Muông	Xã Thượng Lâm	Công nhận 2017
13	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Bản Ba	Xã Trung Hà	Công nhận 2024
14	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Hạ Thành	Phường Hà Giang 1	Công nhận 2019
15	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Tân Sơn	Xã Bắc Quang	Xem xét công nhận điểm du lịch
16	Làng VHDL dân tộc Pà then thôn Minh Thượng	Xã Tân Quang	Xem xét công nhận điểm du lịch
17	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Thanh Sơn	Xã Thanh Thủy	Công nhận 2015
18	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Lũng Tao	Xã Cao Bồ	Xem xét công nhận điểm du lịch
19	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Xà Phìn	Xã Thanh Thủy	Xem xét công nhận điểm du lịch
20	Làng VHDL dân tộc Mông Thôn Phiêng Luông	Xã Yên Cường	Xem xét công nhận điểm du lịch

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
21	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Bản Lạn	Xã Bắc Mê	Công nhận 2024
22	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Suối Thầu	Xã Hoàng Su Phì	Xem xét công nhận điểm du lịch
23	Làng VHDL dân tộc La Chí thôn Na Lống	Xã Bản Phùng	Xem xét công nhận điểm du lịch
24	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Tân Phong	Xã Hồ Thầu	Xem xét công nhận điểm du lịch
25	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Nậm Piên	Xã Nậm Dịch	Xem xét công nhận điểm du lịch
26	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Hóa Chéo Phìn	Xã Nậm Dịch	Xem xét công nhận điểm du lịch
27	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Khun	Xã Bằng Lang	Xem xét công nhận điểm du lịch
28	Làng VHDL dân tộc Pà Thẻn thôn My Bắc	Xã Tân Trịnh	Xem xét công nhận điểm du lịch
29	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Chang	Xã Xuân Giang	Xem xét công nhận điểm du lịch
30	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Buông	Xã Xuân Giang	Xem xét công nhận điểm du lịch
31	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Lũng Hẩu	Xã Lũng Tám	Xem xét công nhận điểm du lịch
32	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Cốc Pảng	Xã Du Già	Xem xét công nhận điểm du lịch
33	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Lao Xa	Xã Sà Phìn	Xem xét công nhận điểm du lịch
34	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Giang Sỳ Tung	Xã Đồng Văn	Xem xét công nhận điểm du lịch
35	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Sảo Há, Khó Chở	Xã Yên Minh	Xem xét công nhận điểm du lịch
36	Làng VHDL dân tộc Giáy thôn Tát Ngà	Xã Tát Ngà	Xem xét công nhận điểm du lịch
37	Làng VHDL dân tộc Nùng thôn Khâu Vai	Xã Khâu Vai	Xem xét công nhận điểm du lịch
38	Làng VHDL dân tộc Lô Lô thôn Sảng Pả A	Xã Mèo Vạc	Xem xét công nhận điểm du lịch
39	Làng VHDL dân tộc thôn Khuổi Trang	Xã Lâm Bình	Xem xét công nhận điểm du lịch
40	Làng VHDL dân tộc thôn Khuổi Củng	Xã Lâm Bình	Xem xét công nhận điểm du lịch
41	Làng VHDL dân tộc Bản Bon	Xã Lâm Bình	Xem xét công nhận điểm du lịch

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
42	Làng VHDL dân tộc thôn Thượng Minh	Xã Minh Quang	Xem xét công nhận điểm du lịch
43	Làng VHDL dân tộc thôn Nà My	Xã Bình An	Xem xét công nhận điểm du lịch
44	Làng VHDL dân tộc thôn Nà Khá	Xã Nà Hang	Xem xét công nhận điểm du lịch
45	Làng VHDL dân tộc thôn Bản Bung	Xã Nà Hang	Xem xét công nhận điểm du lịch
46	Làng VHDL dân tộc thôn An Thịnh	Xã Tân An	Xem xét công nhận điểm du lịch
47	Làng VHDL dân tộc thôn Bó Củng	Xã Kim Bình	Xem xét công nhận điểm du lịch
48	Làng VHDL dân tộc thôn Pác Cáp	Xã Phù Lưu	Xem xét công nhận điểm du lịch
49	Làng VHDL dân tộc thôn Cao Đường	Xã Bạch Xa	Xem xét công nhận điểm du lịch
50	Làng VHDL dân tộc thôn Đồng Sơn	Xã Yên Sơn	Xem xét công nhận điểm du lịch
51	Làng VHDL dân tộc thôn Tân Lập	Xã Tân Trào	Xem xét công nhận điểm du lịch
52	Làng VHDL thôn Bản Biền	Xã Minh Quang	Công nhận năm 2022
53	Làng VHDL dân tộc Dao liên thôn Khau Tràn	Xã Hồng Thái	Công nhận năm 2023
54	Làng VHDL dân tộc Dao đỏ thôn Bản Lục	Xã Hồng Thái	Xem xét công nhận điểm du lịch
55	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Nà Pin	Xã Hồng Thái	Xem xét công nhận điểm du lịch
56	Làng VHDL sinh thái cổng Trời, Quản Bạ	Xã Quản Bạ	Xem xét công nhận điểm du lịch
57	Làng VHDL dân tộc Pà Thẻn thôn Khuổi Hóp	Xã Tri Phú	Xem xét công nhận điểm du lịch
58	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Mã Lương	Xã Tri Phú	Xem xét công nhận điểm du lịch
59	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Khuôn Làn	Xã Tri Phú	Xem xét công nhận điểm du lịch
60	Làng VHDL dân tộc thôn Giếng Tanh	Phường Mỹ Lâm	Xem xét công nhận điểm du lịch
61	Làng VHDL dân tộc Dao tổ dân phố Đá Bàn 1	Phường Mỹ Lâm	Xem xét công nhận điểm du lịch
62	Làng VHDL dân tộc Mông thôn Cây Thị, xã Nhữ Khê	Xã Nhữ Khê	Xem xét công nhận điểm du lịch
63	Làng VHDL dân tộc Cao Lan thuộc thôn Hòa Bình và thôn Đoàn Kết	Xã Nhữ Khê	Xem xét công nhận điểm du lịch

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
64	Làng VHDL Cao Lan thôn Trại Xoan	Xã Nhữ Khê	Xem xét công nhận điểm du lịch
65	Làng VHDL thôn Khau Cau	Xã Lâm Bình	Xem xét công nhận điểm du lịch
66	Làng VHDL Lán Xi A	Xã Phổ Bạng	Xem xét công nhận điểm du lịch
67	Làng VHDL phố cổ thôn Phổ Bạng 1	Xã Phổ Bạng	Xem xét công nhận điểm du lịch
68	Làng VHDL Phố Trồ	Xã Phổ Bạng	Xem xét công nhận điểm du lịch
79	Làng VHDL thôn Trúng Chải	Xã Phổ Bạng	Xem xét công nhận điểm du lịch
70	Làng Văn hóa du lịch dân tộc Dao Dao thôn Nậm Dăm	Xã Quản Bạ	Xem xét công nhận điểm du lịch
71	Làng VHDL dân tộc Tày thôn Noong I, II	Xã Phú Linh	Xem xét công nhận điểm du lịch
72	Làng VHDL dân tộc Dao thôn Bản Lầy	Xã Phú Linh	Xem xét công nhận điểm du lịch
	Các điểm du lịch văn hoá cộng đồng khác theo định hướng của cơ quan có thẩm quyền.	Khu vực có tiềm năng hình thành điểm du lịch	Cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận theo quy định
B	Điểm du lịch di tích lịch sử		
1	Điểm du lịch di tích Bãi đá cổ Nấm Dần	Xã Nấm Dần	Công nhận năm 2024
2	Điểm du lịch Danh thắng Cột cờ Lũng Cú	Xã Lũng Cú	Công nhận năm 2017
3	Điểm du lịch di tích Phố cổ Đồng Văn	Xã Đồng Văn	Công nhận năm 2017
4	Điểm du lịch di tích Kiến trúc Nhà Vương	Xã Sà Phìn	Công nhận năm 2017
5	Điểm du lịch Quảng trường Nguyễn Tất Thành	Phường Minh Xuân	Công nhận năm 2019
6	Điểm du lịch Bảo tàng tỉnh	Phường Hà Giang 1	Đã và đang khai thác
7	Điểm du lịch Quảng trường 26/3	Phường Hà Giang 1	Đã và đang khai thác
8	Điểm du lịch di tích lịch sử cách mạng Trọng Con	Xã Bằng Hành	Đã và đang khai thác
9	Điểm du lịch nghĩa trang liệt sỹ Vị Xuyên	Xã Vị Xuyên	Đã và đang khai thác
10	Điểm du lịch Đền thờ AHLS mặt trận Vị Xuyên, cao điểm 468	Xã Thanh Thủy	Đã và đang khai thác

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
11	Điểm du lịch di tích Căng Bắc Mê	Xã Yên Cường	Đã và đang khai thác
12	Điểm du lịch di tích Nàn ma	Xã Pà Vây Sủ	Đã và đang khai thác
13	Điểm du lịch di tích Đồn Pháp và tường thành Lũng Hồ	Xã Lũng Hồ	Đã và đang khai thác
14	Điểm du lịch Bảo tàng các dân tộc vùng Cao nguyên đá Đồng văn	Xã Đồng Văn	Đã và đang khai thác
15	Điểm du lịch Cụm tượng đài Thanh niên xung phong	Xã Đồng Văn	Đã và đang khai thác
16	Điểm du lịch Bảo tàng tỉnh	Phường Minh Xuân	Đã và đang khai thác
17	Điểm du lịch Khu di tích Nha Công an Minh Thanh	Xã Minh Thanh	Đã và đang khai thác
18	Điểm du lịch di tích lịch sử Kim Bình	Xã Kim Bình	Đã và đang khai thác
19	Điểm du lịch di tích Làng Ngòi Đá Bàn	Phường Mỹ Lâm	Đã và đang khai thác
20	Điểm du lịch di tích lịch sử cách mạng Lào	Phường Mỹ Lâm	Đã và đang khai thác
21	Điểm du lịch Sùng Chứ Đà Là	Xã Đường Thượng	Đã và đang khai thác
22	Điểm du lịch Cơ sở cách mạng Đường Thượng.	Xã Đường Thượng	Đã và đang khai thác
23	Điểm du lịch Đồn Pố Lũng	Xã Hoàng Su Phì	Đã và đang khai thác
	Các điểm du lịch lịch sử khác theo định hướng của cơ quan có thẩm quyền.	Khu vực có tiềm năng hình thành điểm du lịch	Cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận theo quy định
C	Điểm du lịch danh lam thắng cảnh, địa điểm có yếu tố hấp dẫn du lịch khác		
1	Điểm du lịch sinh thái Khuổi Xíu	Xã Bắc Quang	Đã được công nhận năm 2022
2	Điểm du lịch hang Tham Luồng	Xã Minh Tân	Đã được công nhận năm 2017
3	Điểm du lịch Thác Tiên Đèo Gió	Xã Nám Dăn	Đã được công nhận năm 2024
4	Điểm du lịch Hang Lũng Khúy	Xã Quản Bạ	Đã được công nhận năm 2017
5	Điểm du lịch sinh thái Đồng Văn	Xã Đồng Văn	Đã được công nhận năm 2020
6	Điểm du lịch sinh thái Thác Bản Ba	Xã Trung Hà	Đã được công nhận năm 2019

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
7	Điểm du lịch sinh thái Động Tiên	Xã Yên Phú	Đã được công nhận năm 2019
8	Điểm du lịch sinh thái Thủy Lâm Viên	Xã Bằng Hành	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
9	Điểm du lịch sinh thái Thiên Sơn	Xã Bắc Quang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
10	Điểm du lịch sinh thái Thảo nguyên Suối thầu	Xã Pà Vây Sủ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
11	Điểm du lịch danh thắng Thác Luồng	Xã Khuôn Lùng	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
12	Điểm du lịch danh thắng Thác Trăn	Xã Khuôn Lùng	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
13	Điểm du lịch danh thắng Mã Pì Lèng	Xã Đồng văn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
14	Điểm du lịch Hồ thủy điện Nho Quế 1	Xã Mèo vạc	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
15	Điểm du lịch Hồ thủy điện Nho Quế 2	Xã Khâu Vai	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
16	Điểm du lịch Flamingo Tân Trào	Xã Tân Trào	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
17	Điểm du lịch lâm viên Phiêng Bung	Xã Nà Hang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
18	Điểm du lịch Bách Thảo Ngân	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
19	Điểm du lịch nông trại Cây và Hoa	Xã Sơn Dương	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
20	Điểm du lịch Thác Đồng Đài	Xã Sơn Dương	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
21	Điểm du lịch Công viên hồ Tân Quang	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
22	Điểm du lịch Hang Bó Kim	Xã Nà Hang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
23	Điểm du lịch dốc Thẩm Mã	Xã Phố Bàng	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
24	Điểm du lịch bãi đá mặt trăng	Xã Sà Phìn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
25	Điểm du lịch điểm dừng chân Ô A Pháo	Xã Hàm Yên	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
26	Điểm du lịch Hang Tiên	Xã Xuân Giang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
27	Điểm du lịch Thác Ba Tiên	Xã Du Già	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
28	Điểm du lịch ruộng bậc thang thôn Khâu Tràng	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
29	Điểm du lịch ruộng bậc thang (thôn Khuổi Trang)	Xã Lâm Bình	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
30	Điểm du lịch danh thắng ruộng bậc thang khu vực phía Tây của tỉnh	Xác xã thuộc vùng danh thắng ruộng bậc thang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
31	Điểm du lịch trải nghiệm vườn Hoa Lê	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
32	Điểm du lịch trải nghiệm vườn Hoa Mận (thôn Nà Héc)	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
33	Điểm du lịch vườn chè san tuyết Phia Chang	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
34	Điểm du lịch thác nước Pác Hầu	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
35	Điểm du lịch thác nước Tát Thốc	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
36	Điểm du lịch Thác Vằng Bo thuộc thôn Nà Mu	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
37	Điểm du lịch Nà Pin (Tọt Cồn)	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
38	Điểm du lịch thác nước Nặm Tẩu, Nặm Tan, Khâu Đôn	Xã Liên Hiệp	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
39	Điểm du lịch lòng hồ An Dương và đập tràn Hùng Tâm	Xã Hùng An	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
40	Điểm du lịch sinh thái Hàm Ếch	Xã Bình Ca	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
41	Điểm du lịch Hang Khâu Mềng (thôn Khâu Mềng)	Xã Thuận Hòa	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
42	Điểm du lịch Sinh thái Thuận Hoà (thôn Lũng Pù)	Xã Thuận Hòa	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
43	Điểm du lịch lòng hồ Thủy điện Thuận Hoà (thôn Mịch A)	Xã Thuận Hòa	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
44	Điểm du lịch Cầu kính thuận Hoà (thôn Mịch A)	Xã Thuận Hòa	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
45	Điểm du lịch Thác Hợp Hòa, thôn Đồng Phai	Xã Thuận Hòa	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
46	Điểm du lịch Thác Mạ Héc, thôn Thôm Tấu	Xã Phù Lưu	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
47	Điểm du lịch Thác Thâm Liêm, thôn Nặm Lương	Xã Phù Lưu	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
48	Khu du lịch sinh thái An Khê	Xã Nhữ Khê	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
49	Điểm du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng thôn Bản Cườm 1, thôn Bản Cườm 2, thôn Nà Bá	Xã Ngọc Đường	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
50	Khu du lịch sinh thái Phia Dâu	Xã Ngọc Đường	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
51	Điểm du lịch di sản địa mạo Thung Lũng Mù Lũng Phìn	Xã Lũng Phìn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
52	Điểm du lịch danh lam thắng cảnh của chữ M	Xã Lũng Phìn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
53	Điểm du lịch sinh thái thôn Nà Khậu	Xã Lâm Bình	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
54	Điểm du lịch Mê Cung đá xã Khâu Vai	Xã Khâu Vai	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
55	Điểm đồi cỏ cháy thôn Phiêng Bung	Xã Khâu Vai	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
56	Điểm du lịch Thạch Lâm Viên	Phường Hà Giang 2	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
57	Điểm du lịch sinh thái khu vực Phong Quang	Phường Hà Giang 2	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
58	Vườn Lê cổ thụ thôn Khau Tràng	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
59	Điểm du lịch Nà Pin (Tọt Cồn)	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
60	Khu du lịch sinh thái Lũng Chang	Xã Linh Hồ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
61	Điểm du lịch Hang Mạc Đá	Xã Sà Phìn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
62	Điểm du lịch Hang Rỗng	Xã Sà Phìn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
63	Điểm du lịch Thác Pác Hẩu	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
64	Điểm du lịch Thác Tát Thốc	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
65	Điểm du lịch Thác Vằng Bo	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
66	Điểm du lịch suối khoáng nóng thôn Nậm Choong	Xã Quảng Nguyên	Đang hoạt động
67	Điểm du lịch suối khoáng nóng Quảng Ngần	Xã Việt Lâm	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
68	Điểm du lịch danh lam thắng cảnh thôn Kim Thạch	Xã Minh Ngọc	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
69	Điểm du lịch danh lam thắng cảnh, sinh thái kết hợp cắm trại, nghỉ dưỡng Nậm Đầu	Xã Minh Ngọc	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
70	Điểm du lịch hồ Nậm Lang (khai thác du lịch hai bên bờ hồ và trên lòng hồ: lưu trú, ẩm thực, đi bộ, leo núi, thuyền, vui chơi giải trí và các hoạt động khác theo quy định, ...)	Xã Đường Thượng, xã Du Già và các xã lân cận	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
71	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái núi Mỏ Neo	Phường Hà Giang 2	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
72	Khu Du lịch sinh thái hồ Kỳ Lãm	Phường Bình Thuận	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
73	Khu du lịch Cùm Lao Ma	Xã Pờ Ly Ngải	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
	Các điểm du lịch danh lam thắng cảnh, sinh thái khác theo định hướng của cơ quan có thẩm quyền.	Khu vực có tiềm năng hình thành điểm du lịch	Cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận theo quy định
D	Điểm du lịch trải nghiệm văn hóa		
1	Điểm du lịch Chợ phiên Đồng Văn	Xã Đồng Văn	Đã được công nhận năm 2020
2	Điểm du lịch chợ phiên Mèo Vạc	Xã Mèo Vạc	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
3	Điểm du lịch Làng nghề dệt lanh thôn Đầu Cầu	Xã Cán Tỷ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
4	Điểm du lịch Chợ Phiên Phố Cáo	Xã Phố Cáo	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
5	Điểm du lịch Chợ phiên Xã Lũng Phìn	Xã Lũng Phìn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
6	Điểm du lịch làng nghề thêu tay dân tộc Dao Tiền thôn Tân Cường	Xã Tân An	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
7	Điểm du lịch trải nghiệm nghề dệt Lũng Tám	Xã Lũng Tám	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
8	Điểm du lịch trải nghiệm thảo dược	Xã Quản Bạ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
9	Tổ hợp dịch vụ du lịch Tiến Thành	Phường An Tường	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
10	Tổ hợp du lịch mạo hiểm trên không Bảo Yên	Xã Nậm Dịch, Xã Thông Nguyên	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
11	Khu nghỉ dưỡng sinh thái thôn Pác Và	Xã Tân Tiến	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
12	Cụm du lịch thôn Pác Ngàm	Xã Tân Tiến	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
13	Làng Văn hoá du lịch dân tộc Mông thôn Lũng Cẩm Trên	Xã Sà Phìn	Công nhận năm 2020

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
	Các điểm du lịch trải nghiệm văn hoá khác theo định hướng của cơ quan có thẩm quyền.	Khu vực có tiềm năng hình thành điểm du lịch	Cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận theo quy định
E	Điểm du lịch tín ngưỡng		
1	Điểm du lịch chùa Lũng Cú	Xã Lũng Cú	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
2	Điểm du lịch Đền thờ miếu Ông, miếu Bà	Xã Khâu Vai	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
3	Điểm du lịch Đền Hạ	Phường Minh Xuân	Đã được công nhận năm 2019
4	Điểm du lịch Đền Thượng	Phường Nông Tiên	Đã được công nhận năm 2019
5	Điểm du lịch Đền Ý La	Phường Minh Xuân	Đã được công nhận năm 2019
6	Điểm du lịch Chùa Hương Nghiêm	Phường An Tường	Đã được công nhận năm 2019
7	Điểm du lịch Đền Bách Thần	Xã Chiêm Hóa	Đã được công nhận năm 2024
8	Thiền viện Trác Lâm	Phường Nông Tiên	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
9	Điểm du lịch Đền Mẫu	Phường Hà Giang 1	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
10	Điểm du lịch Đền Thác Con	Phường Hà Giang 2	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
11	Điểm du lịch chùa Quan âm	Phường Hà Giang 2	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
12	Điểm du lịch Chùa Núi Cấm	Phường Hà Giang 1	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
13	Điểm du lịch Thạch Lâm Viên	Phường Hà Giang 2	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
14	Điểm du lịch Chùa Thiên Ân	Xã Bắc Quang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
15	Điểm du lịch Đền Trần Hưng Đạo	Xã Tân Quang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
16	Điểm du lịch Đền Chúa Bà	Xã Vĩnh Tuy	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
17	Điểm du lịch Chùa Sùng Khánh	Xã Vị Xuyên	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
18	Điểm du lịch Chùa Bình Lâm	Xã Phú Linh	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
19	Điểm du lịch Chùa Nậm Dầu	Xã Linh Hồ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
20	Điểm du lịch Hang Đán Poong	Xã Bạch Ngọc	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
21	Điểm du lịch di tích lịch sử Đình Mường	Xã Khuôn Lùng	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
22	Điểm du lịch Đền Thần Hoàng	Xã Pà Vây Sủ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
23	Điểm du lịch Đình Bản Chún	Xã Quang Bình	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
24	Điểm du lịch Thạch Sơn Thần	Xã Quán Bạ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
25	Điểm du lịch Chùa Bình An	Xã Quán Bạ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
26	Điểm du lịch suối Bản Án	Xã Ngọc Long	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
27	Điểm du lịch Đền Quan Công	Xã Đồng Văn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
28	Điểm du lịch Đền Lâm Sơn	Phường Nông Tiến	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
29	Điểm du lịch Đền Pha Lô	Phường Nông Tiến	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
30	Điểm du lịch Đền Ghềnh Quýt	Phường Nông Tiến	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
31	Điểm du lịch Đền Cắm	Phường Nông Tiến	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
32	Điểm du lịch Đền Cảnh Xanh	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
33	Điểm du lịch Đền Mỏ Than	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
34	Điểm du lịch Đồng Xuân	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
35	Điểm du lịch Chùa Trùng Quang	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
36	Điểm du lịch Chùa Linh Thông	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
37	Điểm du lịch Đền Quang Kiều	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
38	Điểm du lịch Chùa An Vinh	Phường An Tường	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
39	Điểm du lịch Chùa Thiện	Xã Sơn Thủy	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
40	Điểm du lịch Chùa Thanh Sơn Tự	Xã Phú Lương	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
41	Điểm du lịch Chùa Hòa Bình	Xã Tân Thanh	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
42	Điểm du lịch Chùa Khoan Lư	Xã Sơn Thủy	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
43	Điểm du lịch Chùa Bảo Quang	Xã Phú Lương	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
44	Điểm du lịch Đền Thượng	Xã Sơn Dương	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
45	Điểm du lịch Đền Đàm Hồng	Xã Chiêm Hóa	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
46	Điểm du lịch Chùa Bảo Ninh Sùng Phúc	Xã Yên Nguyên	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
47	Điểm du lịch Đền Thác Cái	Xã Yên Phú	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
48	Điểm du lịch Đền Bắc Mực	Xã Hàm Yên	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
49	Điểm du lịch Đền Pắc Tà	Xã Nà Hang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
50	Điểm du lịch Đền Bắc Vãng	Xã Nà Hang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
51	Điểm du lịch Đền Pú Bảo	Xã Lâm Bình	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
52	Điểm du lịch Chùa Phúc Lâm	Xã Thượng Lâm	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
53	Điểm du lịch Chùa Phật Lâm	Xã Nhữ Khê	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
54	Điểm du lịch Chùa Minh Cầm	Xã Nhữ Khê	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
55	Điểm du lịch Đền Minh Lương	Xã Yên Sơn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
56	Điểm du lịch Đền Lương Quán	Xã Yên Sơn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
57	Điểm du lịch Thiền viện Trúc Lâm	Phường Nông Tiến	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
58	Điểm du lịch Chùa Phổ Linh	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
59	Điểm du lịch Chùa Đồng Yên	Phường Minh Xuân	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
60	Điểm du lịch Chùa Phú Lâm	Phường Mỹ Lâm	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
61	Điểm du lịch Đình Thọ Vực	Xã Hồng Sơn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
62	Điểm du lịch Hồ Khôn	Xã Thái Sơn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
63	Điểm du lịch Phủ Toàn Thắng	Xã Thái Sơn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
64	Điểm du lịch Hang Bó Kim	Xã Nà Hang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)

STT	Điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
65	Điểm du lịch Chợ đêm Na Hang	Xã Nà Hang	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
66	Điểm du lịch Đền Đức Ông	Xã Sơn Thụ	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
67	Điểm du lịch Chùa Tây Thiên	Xã Hồng Sơn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
68	Điểm du lịch Đền Văng Sâu	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
69	Điểm du lịch Đền Cây Thị	Xã Nhữ Khê	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
70	Điểm du lịch kiến trúc nghệ thuật Đình Minh Cầm	Xã Nhữ Khê	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
71	Điểm du lịch Đình Nhữ Hán	Xã Nhữ Khê	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
72	Điểm du lịch tâm linh di tích Chùa Quan âm	Xã Lũng Phìn	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
73	Điểm du lịch Chùa Bà thôn Làng Chùa	Xã Lâm Bình	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
74	Điểm du lịch Chùa Ông thôn Nặm Đíp	Xã Lâm Bình	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
75	Điểm du lịch đền Văng sâu	Xã Hồng Thái	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
76	Điểm du lịch Đền Chúa Bà Thác Con	Xã Bạch Xa	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
77	Điểm du lịch Đền Vinh Quang	Xã Hoàng Su Phì	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
78	Điểm du lịch Đền Suối Thầu	Xã Hoàng Su Phì	Bổ sung vào quy hoạch (điểm du lịch có tiềm năng)
	Các điểm du lịch tín ngưỡng khác theo định hướng của cơ quan có thẩm quyền.	Khu vực có tiềm năng hình thành điểm du lịch	Cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận theo quy định

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô diện tích, nguồn vốn đầu tư của các khu, điểm du lịch sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư (cấp mới), quyết định điều chỉnh dự án để đảm bảo và phù hợp với tình hình triển khai thực tế của dự án đầu tư khu, điểm du lịch.

PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG

PHỤ LỤC 2.1

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
A	CAO TỐC, QUỐC LỘ				
I	Cao tốc				
	Các tuyến đường cao tốc đã có trong Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia				
1	Đường bộ cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15)	Nút giao đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ với QL.2D, xã Nhữ Khê	Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang	158	Cao tốc, 4 làn xe
2	Tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12)	Điểm đầu giao với Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15) tại xã Bắc Quang	Nút giao với Cao tốc Nội Bài-Lào Cai (xã Mậu A, tỉnh Lào Cai)	81	Cao tốc, 4 làn xe
	Các tuyến cao tốc định hướng nghiên cứu đầu tư để đề xuất với cấp có thẩm quyền bổ sung quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng				
3	Đường bộ cao tốc nối 4 đô thị Lạng Sơn - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái, chiều dài dự kiến 150 km, đạt chuẩn cao tốc 4 làn xe (Cao tốc Thái nguyên - Lạng Sơn và Cao tốc Thái nguyên - Tuyên Quang đã được tỉnh Thái Nguyên chủ trì phối hợp với tỉnh Tuyên Quang và Lạng Sơn đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung quy hoạch giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã được Bộ Xây dựng có văn bản nhất trí chấp thuận bổ sung quy hoạch giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho đầu tư tuyến Cao tốc nối 2 đô thị Lạng Sơn - Thái Nguyên; do đó để đảm bảo tính liên thông nên nghiên cứu, đề xuất với Bộ Xây dựng, Chính phủ bổ sung quy hoạch và đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Đông Tây nối 3 đô thị Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái).				
4	Đường bộ cao tốc Bắc Quang - Cửa khẩu quốc tế Lào Cai (định hướng xây dựng), chiều dài dự kiến 108 km, đạt chuẩn cao tốc 4 làn xe.				
5	Đường bộ cao tốc nối đô thị Nà Hang - Chiêm Hóa với cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15), chiều dài dự kiến 80 km, đạt chuẩn cao tốc 4 làn xe (nghiên cứu định hướng đầu tư để đề xuất với Bộ Xây dựng, Chính phủ bổ sung quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng).				
6	Đường bộ cao tốc nối đô thị Sơn Dương với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; chiều dài dự kiến 30 km, đạt chuẩn cao tốc 4 làn xe (nghiên cứu định hướng đầu tư để đề xuất với Bộ Xây dựng, Chính phủ bổ sung quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng).				
7	Các tuyến đường cao tốc khác: Thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền				

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
II	Quốc lộ				
1	Quốc lộ 2 (QL.2, gồm cả đoạn tránh đô thị Tuyên Quang)	Xã Nhữ Khê	Xã Thanh Thủy	202,4	Cấp III, 2-6 làn xe
2	Quốc lộ 34 (QL.34)	Giao QL.2 tại phường Hà Giang 1	Xã Bắc Mê, kết nối sang tỉnh Cao Bằng	73	Cấp IV, 2 làn xe
3	Quốc lộ 37 (QL.37)	Đèo Khế, xã Sơn Dương	Cầu Bồng, phường Mỹ Lâm	64,5	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
4	Quốc lộ 2C (QL.2C, kéo dài đến xã Vị Xuyên)	Xã Sơn Thủy	Xã Vị Xuyên	262 (175+87)	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
5	Quốc lộ 279 (QL.279)	Xã Hồng Thái	Xã Yên Thành	166,4	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
6	Quốc lộ 3B (QL.3B)	Xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang	Qua xã Hàm Yên, kết nối sang tỉnh Lào Cai	71,9	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
7	Quốc lộ 2D (QL.2D)	Phường Mỹ Lâm	Xã Sơn Thủy	84,9	Cấp IV, 2 làn xe
8	Quốc lộ 4C (QL.4C)	Phường Hà Giang 1	Xã Niêm Sơn	200	Cấp IV, 2 làn xe
	Đề nghị Bộ Xây dựng đầu tư nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa đường Quốc lộ 4C và các tuyến đường du lịch kết nối với QL.4C để hỗ trợ phát triển du lịch vùng Cao nguyên đá Đồng Văn.				
9	Quốc lộ 4 (QL.4)	Phường Hà Giang 2	Xã Pà Vầy Sủ	122	Cấp IV, 2 làn xe
10	Quốc lộ 280 (QL.280)	Xã Thượng Nông	Xã Bắc Mê	64,0	Cấp IV, 2 làn xe
11	Đường Cột Cờ Quốc Gia Lũng Cú	Xã Lũng Cú	Xã Lũng Cú	26,0	Cấp IV, 2 làn xe
12	Đường Hồ Chí Minh	Đèo Muồng, xã Hùng Lợi	Giao QL.2, đô thị Tuyên Quang	57,0	Cấp III-II, 2-4 làn xe
13	Các tuyến quốc lộ khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
B	ĐƯỜNG TỈNH				
I	Đường kết nối liên vùng				
	Các tuyến đường kết nối liên vùng, liên tỉnh				
1	Đường kết nối liên vùng Phồ Yên (Thái Nguyên) - Tuyên Quang - Yên Bái	Xã Sơn Dương	Xã Nhữ Khê	50,0	Cấp III, 2-4 làn xe
2	Đường kết nối Nà Hang,	Xã Hồng Thái	Xã Hồng Thái	8,0	Cấp V, 2 làn

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
	tỉnh Tuyên Quang - xã Ba Bể, tỉnh Thái Nguyên (ĐT.192)		(giáp ranh xã Ba Bể, Thái Nguyên)		xe
3	Đường từ đô thị Tuyên Quang đi xã Phú Lương kết nối với nút giao IC5 cao tốc Nội Bài-Lào Cai (ĐT.187).	Đô thị Tuyên Quang	Xã Phú Lương (giáp tỉnh Phú Thọ)	30,0	Cấp III, 2-4 làn xe
4	Đường Sơn Dương - Đạo Trù - IC4 cao tốc Nội Bài-Lào Cai (ĐT.185).	Xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Xã Sơn Thủy (giáp xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ)	30	Cấp III, 2-4 làn xe
5	Đường từ xã Hàm Yên (Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang) đến xã Chiêm Hóa, xã Nà Hang kết nối với tỉnh Thái Nguyên (ĐT.191)	Xã Hàm Yên	Xã Nà Hang	60,0	Cấp III miền núi, 2-4 làn xe
Các tuyến đường kết nối liên vùng đề xuất với Chính phủ, Bộ Xây dựng để bổ sung vào quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng					
6	Đường kết nối liên vùng Thái Nguyên - Tuyên Quang	Xã Yên Lập	Kết nối với CT.15 tại xã Bắc Quang	70,0	Cấp III, 2-4 làn xe.
7	Đường kết nối đô thị Tuyên Quang sang tỉnh Lào Cai	Đô thị Tuyên Quang	Giáp ranh tỉnh Lào Cai, Phú Thọ	15,0	Cấp III đồng bằng, 2-4 làn xe
8	Tuyến đường kết nối liên vùng khác: Thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
II	Đường tỉnh hiện hữu, nâng cấp, mở rộng, cải tạo				
1	Đường tỉnh 176 (ĐT.176)	Km100+150, QL.4C, xã Yên Minh	Km166, QL.4C, xã Mèo Vạc	47	Cấp III
2	Đường tỉnh 176B (ĐT.176B)	Giao QL.34, xã Minh Ngọc	Giao ĐT.176, xã Mậu Duệ	44	Cấp V, IV
3	Đường tỉnh 177 (ĐT.177)	Giao QL.2, xã Tân Quang	Cầu Cốc Pài tại Km299+450, QL.4	89,6	Cấp IV
4	Đường tỉnh 178 (ĐT.178)	Km24+50, QL.279, xã Quang	Km63, xã Pà Vầy Sủ	63	Cấp IV

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
		Bình			
5	Đường tỉnh 178B (ĐT.178B)	Km88+230, ĐT.177	Cửa khẩu Xin Mần, Mốc 198	24,3	Cấp IV
6	Đường tỉnh 178C (ĐT.178C)	Km296, QL.4	Xã Pà Vây Sủ	11,5	Cấp IV
7	Đường tỉnh 180 (ĐT.180)	Km4+50, QL.34, phường Hà Giang 2	Giao QL.4C, xã Yên Minh	75,8	Cấp V, IV
8	Đường tỉnh 181 (ĐT.181)	Km76+100, QL.4C	Bạch Đích (mốc 358)	15,0	Cấp V, IV
9	Đường tỉnh 181B (ĐT.181B)	Km118, QL.4C	Cửa khẩu Phố Bàng (Mốc 393)	7,3	Cấp IV
10	Đường tỉnh 182B (ĐT.182B)	Km141+500, QL.4C, xã Đồng Văn	Km10+800, đường Cột cờ Quốc gia Lũng Cú	7	Cấp IV
11	Đường tỉnh 183 (ĐT.183)	Km207, QL.2, xã Vĩnh Tuy	Giao QL.279, xã Quang Bình	52,4	Cấp III
12	Đường tỉnh 183B (ĐT.183B)	Giao QL.279, xã Bắc Quang	Giao ĐT.183, xã Xuân Giang	22,1	Cấp V, IV
13	Đường tỉnh 184 (ĐT.184)			47,82	Cấp III
	- ĐT.184 tuyến chính	Phường Hà Giang 2	Chợ Đồng Tâm, xã Đồng Tâm	44,2	Cấp III
	- ĐT.184 tuyến nhánh	Xã Linh Hồ	Xã Vị Xuyên	3,62	III
14	Đường tỉnh 185 (ĐT.185)	Xã Sơn Thủy	Xã Bạch Ngọc	200	Cấp IV, III, 2 làn xe
15	Đường tỉnh 186 (ĐT.186)	Xã Sơn Thủy	Đô thị Tuyên Quang	64,0	Cấp IV, III, 2 làn xe
16	Đường tỉnh 188 (ĐT.188)	Xã Yên Sơn	Xã Bạch Ngọc	129,0	Cấp IV, III, 2 làn xe
17	Đường tỉnh 189 (ĐT.189)	Xã Bình Xa	Xã Bạch Xa	57,0	Cấp IV, III, 2 làn xe
III	Các tuyến đường tỉnh dự kiến nâng lên quốc lộ, cắt ngắn hoặc kéo dài				

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
1	Đường tỉnh 176 (ĐT.176)	Giao QL.4C, xã Yên Minh	Giao QL.4C, xã Mèo Vạc	47	Cấp IV
2	Đường tỉnh 176B (ĐT.176B)				
-	ĐT.176B nâng lên QL.280	Giao QL.34, xã Minh Ngọc	Xã Mậu Duệ	72,5	Cấp IV
-	Nâng cấp đường địa phương lên ĐT.176B	Xã Mèo Vạc	Xã Niêm Sơn	30,3	Cấp IV-V
3	Đường tỉnh 177 (ĐT.177)	Giao QL.2, xã Tân Quang	Cầu Cốc Pài tại Km299+450, QL.4	89,6	Cấp V, IV
4	Đường tỉnh 177 (ĐT.177) đoạn nâng lên QL.4	Xã Tân Tiến	Xã Pà Vầy Sủ	41	Cấp V, IV
5	Đường tỉnh 185 (ĐT.185) đoạn nâng lên QL.2C	Xã Nà Hang	Xã Lâm Bình	69	Cấp V, IV
6	Đường tỉnh 185 (ĐT.185) đoạn nâng lên QL.2D	Xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	9,3	cấp IV
7	Đường tỉnh 186 (ĐT.186) đoạn nâng lên QL.2D	Xã Sơn Thủy	Phường Bình Thuận	63,75	Cấp IV
7	Các tuyến đường tỉnh khác: Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
IV	Các tuyến đường tỉnh quy hoạch mới				
1	Đường tỉnh 177B (ĐT.177B)	Xã Nậm Dịch	Xã Khuôn Lùng	63,13	Cấp V, IV
2	Đường tỉnh 177C (ĐT.177C)	Xã Tân Trịnh	Giao với ĐT.177, xã Nậm Dịch	39	Cấp V, IV
3	Đường tỉnh 179 (ĐT.179)	Xã Vị Xuyên	Xã Tân Tiến	36,5	Cấp V, IV
4	Đường tỉnh 180C (ĐT.180C)	Xã Quản Bạ	Xã Nghĩa Thuận (mốc 325)	23	Cấp V, IV
5	Đường tỉnh 182	Km160+500 QL.4C,	Cửa khẩu Săm	32	Cấp V, IV

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
	(ĐT.182)	xã Mèo Vạc	Pun (mốc 456)		
	Đường tỉnh 186B (ĐT. 186B) (đường Sơn Thủy - Kim Xuyên)	Xã Sơn Thủy	Xã Hồng Sơn	22	Cấp III đồng bằng
6	Đường tỉnh 187 (ĐT.187)	Xã Phú Lương - QL.2C	Xã Bình An	140,2	Cấp V
	Định hướng xây dựng đường tỉnh 187B (ĐT.187B)	Phường Bình Thuận	Xã Phú Lương	30,6	Cấp V, IV
7	Đường tỉnh 190 (ĐT.190)	Giao QL.2, xã Yên Phú	Giao với ĐT.188 tại chân đèo Lai, xã Tân Mỹ	35,0	Cấp V
8	Đường tỉnh 191 (ĐT.191)	Xã Hàm Yên	Xã Nà Hang	60,0	Cấp III miền núi
9	Đường tỉnh 192 (ĐT.192)	Xã Hồng Thái	Xã Côn Lôn (tiếp giáp với Bắc Mê)	40,0	Cấp V
	Đường tỉnh 192 đoạn kéo dài	Xã Côn Lôn	xã Minh Ngọc (giao QL.34)	55,2	Cấp V
10	Đường tỉnh 193 (ĐT.193)	QL.2D xã Nhữ Khê	QL.37 xã Sơn Dương	54,0	Cấp V
11	Đường tỉnh 195 (ĐT.195)	Xã Hùng Đức	Giao ĐT.185, xã Tri Phú	73,0	Cấp V
12	Các tuyến đường tỉnh khác: Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
V	Đường vành đai	-	-	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
	Đường vành đai đô thị Tuyên Quang	Hướng tuyến từ nút giao giữa cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ và QL.2D đến Suối khoáng Mỹ Lâm, tuyến đi tránh đô thị Tuyên Quang qua Trung tâm xã Yên Sơn, tiếp tục vượt sông Lô tại xã Tân Long, đi theo QL.2C, QL.37, theo đường Hồ Chí Minh qua cầu Bình Ca, đến QL.2 và kết thúc tại điểm ban đầu.		75,0	Cấp III, IV đồng bằng và đường đô thị

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
VI	Các cầu	- Các cầu vượt sông: Lô, Gâm, Phó Đáy, Nho Quế, Miện và các sông, ngòi khác. - Các cầu vượt đường sắt, đường bộ.		-	Quy mô xác định khi lập dự án
VII	Các công trình đường bộ khác: Thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật				
C	ĐƯỜNG SẮT				
1	Tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái (kết nối 2 tuyến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên và tuyến Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai), chiều dài dự kiến 80 km, quy mô xác định khi lập dự án (thuộc danh mục tuyến đường sắt nghiên cứu đầu tư giai đoạn đến năm 2050 tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 đã sửa đổi cho tư nhân đầu tư nên có triển vọng để triển khai thực hiện).				
2	Kiến nghị cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng Tuyến đường sắt nối cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy và tuyến Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai trong giai đoạn 2030-2050; Chiều dài, quy mô xác định khi lập dự án (nghiên cứu định hướng đầu tư để đề xuất với Bộ Xây dựng, Chính phủ bổ sung quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng, hiện nay Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 đã sửa đổi cho tư nhân đầu tư nên có triển vọng để triển khai thực hiện).				
D	ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG				
1	Nghiên cứu, đầu tư xây dựng cảng hàng không nội địa phục vụ phát triển du lịch tại: xã Nà Hang, (trước đây là xã Na Hang, vị trí đã được đánh giá là có tiềm năng để nghiên cứu triển khai thực hiện theo phê duyệt cảng hàng không, sân bay tiềm năng tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ) và xã Tân Quang, phường Hà Giang 2.				

Ghi chú: Tên, vị trí, điểm đầu, điểm cuối, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

PHỤ LỤC 2.2
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA,
CẢNG CẠN TỈNH TUYÊN QUANG THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I	Tuyến đường thủy nội địa địa phương	Điểm đầu	Điểm cuối	Cấp đường thủy, quy mô dự kiến
1	Tuyến sông Gâm Tuyên Quang - Chiêm Hóa	Ngã ba Lô - Gâm	Xã Chiêm Hóa	Cấp IV, 36km
2	Tuyến sông Gâm - Hồ thủy điện Tuyên Quang	Đập thủy điện Tuyên Quang	Thượng lưu sông Gâm	Cấp II, 43,8 km
3	Tuyến sông Năng - Hồ thủy điện Tuyên Quang	Đập thủy điện Tuyên Quang	Thượng lưu sông Năng	Cấp III, 26 km
4	Tuyến sông Nho Quế - hồ thủy điện Nho Quế 1	Đập thủy điện Nho Quế 1	Thượng lưu sông Nho Quế	Cấp IV, 7 km
5	Tuyến Chiêm Hóa - hạ lưu đập thủy điện Tuyên Quang	Thủy điện Chiêm Hóa	Đập thủy điện Tuyên Quang	Cấp III, 35 km
II	Cảng cấp quốc gia	Sông chính	Địa điểm	Loại, công suất
1	Cảng Tam Sơn	Sông Lô	Phường Bình Thuận	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
2	Cảng Tuyên Quang	Sông Lô	Phường Bình Thuận	Hàng hóa, 400.000 tấn/năm
3	Cảng An Hòa	Sông Lô	Xã Bình Ca	Hàng hóa, 400.000 tấn/năm
4	Cảng Chiêm Hóa	Sông Gâm	Xã Chiêm Hóa	Hàng hóa, 200.000 tấn/năm
5	Cảng Na Hang	Sông Gâm	Xã Nà Hang	Hàng hóa, 100.000 tấn/năm
6	Cảng vùng hồ thủy điện Tuyên Quang	Hồ thủy điện Tuyên Quang	Xã Nà Hang, Lâm Bình	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
7	Cụm cảng, bến thủy phục vụ du lịch và phát triển kinh tế - xã hội	Các hồ thủy điện	Các xã	Cảng khách, 300.000 hành khách/năm
8	Cảng khác	Các sông, hồ trên địa bàn tỉnh	Các xã, phường	600.000 tấn/năm
III	Bến cấp tỉnh	Sông chính	Địa điểm	Số lượng, quy mô (tối thiểu)
1	Bến thủy nội địa	Sông Lô, sông Gâm, sông Nho Quế, sông	Các xã, phường	63 bến, quy mô đáp ứng nhu cầu vận tải

		khác, các lòng hồ		
2	Bến khách ngang sông	Sông Lô, sông Gâm, sông Nho Quế, sông khác, các lòng hồ thủy điện	Các xã, phường	39 bến, quy mô đáp ứng nhu cầu vận tải
3	Bến khác	Các sông, hồ trên địa bàn tỉnh	Các xã, phường	
IV	Cảng cạn			
1	Cảng cạn ICD	-	Địa điểm phù hợp	20.000 - 35.000 TEU/năm
V	Các công trình đường thủy, cảng khác		Địa điểm phù hợp	Thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật

Ghi chú: Tên, vị trí, điểm đầu, điểm cuối, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

PHỤ LỤC 3. QUY HOẠCH NGUỒN ĐIỆN VÀ MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN

**PHỤ LỤC 3.1: QUY HOẠCH NGUỒN ĐIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG ĐẾN NĂM 2030 VÀ SAU NĂM 2030**

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đấu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
A	Thủy điện									372,4			
	Tỉnh Hà Giang cũ									256,8	115,6	118,4	
I	Công trình nguồn thủy điện cập nhật, điều chỉnh giai đoạn 2025-2030												
1	Các nhà máy đang vận hành cập nhật, chuẩn xác thông số quy hoạch												
1.1	Thủy điện Sông Lô 6	Xã Vĩnh Tuy và xã Bạch Xa	60		60	110	cập nhật	2025-2030					
1.2	Thủy điện Hạ Thành (302)	Phường Hà Giang 1	0,75		0,75	22	Cập nhật	2025-2030					
1.3	Thủy điện Sông Miện 6	Phường Hà Giang 2 và	5		5	35	cập nhật	2025-2030					

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
		xã Ngọc Đường											
1.4	Thủy điện Bắc Mê	Xã Đường Hồng và xã Bắc Mê	45		45	220	cập nhật	2025-2030					
1.5	Thủy điện Nậm An	Xã Tân Quang	6		6	35	cập nhật	2025-2030					
1.6	Thác Thúy (Việt Long 1)	Xã Bắc Quang	2,45		2,45	22	cập nhật	2025-2030					
1.7	Thủy điện Sông Lô 4	xã Tân Quang	24		24	110	cập nhật	2025-2030					
1.8	Thủy điện Sông Chảy 3	Xã Pờ Ly Ngài và xã Hoàng Su Phì	14		14	35	cập nhật, điều chỉnh đầu nối về trạm 110kV Sông Chảy	2025-2030					
1.9	Thủy điện Nho Quế 3	Xã Sơn Vĩ và xã Khâu Vai	110		110+30 Tổng công suất Trạm biến áp khoảng 170MV A	220	Cập nhật, điều chỉnh, mở rộng nâng công suất 30MW	2025-2030 Phản mở rộng 30MW, được thực hiện giai đoạn 2031 -2035 khi được phê duyệt vào quy hoạch phát triển điện lực	Nhà đầu tư đăng ký				

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
1.10	Thủy điện Nho Quế 2	Xã Sơn Vĩ và xã Khâu Vai	48		48+10 Tổng công suất Trạm biến áp khoảng 76MV A	220	Cập nhật, điều chỉnh, mở rộng nâng công suất 10MW	2025-2030 2025-2030 Phần mở rộng 10MW, được thực hiện giai đoạn 2031 -2035 khi được phê duyệt vào quy hoạch phát triển điện lực	Nhà đầu tư đăng ký				
1.11	Thủy điện Nho Quế 1	Xã Sơn Vĩ và xã Mèo Vạc	32		32	220	cập nhật	2025-2030					
1.12	Thủy điện Sông Nhiệm 4	Xã Niêm Sơn	6		6	110	cập nhật	2025-2030					
1.13	Thủy điện Sông Miện (Bát Đại Sơn)	Xã Cán Tỷ và Bạch Đích	6		6	35	cập nhật	2025-2030					
1.14	Thủy điện Sông Bạc	Xã Thông Nguyên và xã Tân Trính	42		42	110	cập nhật	2025-2030					
1.15	Thủy điện Sông Con 2 (Sông Chùng)	Xã Quang Bình	19,5		19,5	110	cập nhật	2025-2030					
1.16	Thủy điện Suối Chùng	Xã Tiên Nguyên và xã Tân Trính	6		6	35	cập nhật	2025-2030					

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
1.17	Thủy điện Bản Rịa	Xã Yên Thành	2,4		2,4	35	cập nhật	2025-2030					
1.18	Thủy điện Việt Lâm (Việt Long 2)	Xã Việt Lâm	0,9		0,9	35	cập nhật	2025-2030					
1.19	Thủy điện 304	Xã Thanh Thủy	0,5		0,5	35	cập nhật	2025-2030					
1.20	Thủy điện Thuận Hòa	Xã Thuận Hòa	38		38	220	cập nhật	2025-2030					
1.21	Thủy điện Sông Lô 2	Xã Vị Xuyên	28		28	110	cập nhật	2025-2030					
1.22	Thủy điện Sông Miện 5	Xã Thuận Hòa	20		20	110	cập nhật	2025-2030					
1.23	Thủy điện Nậm Ngần 2	Xã Thượng Sơn và xã Việt Lâm	13,5		13,5	110	cập nhật	2025-2030					
1.24	Thủy điện Sông Miện 5A	Xã Thuận Hòa	9		9	110	cập nhật	2025-2030					
1.25	Thủy điện Suối Sứ 1	Xã Thanh Thủy	3,2		3,2	35	cập nhật	2025-2030					
1.26	Thủy điện Suối Sứ 2	Xã Thanh Thủy	2,4		2,4	35	cập nhật	2025-2030					
1.27	Thủy điện Sông Chảy 5	Xã Trung Thịnh và xã Xín Mần	16		16	35	cập nhật	2025-2030					

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
1.28	Thủy điện Sông Chảy 6	Xã Pà Vây Sừ và xã Xín Mần	16		16	35	cập nhật	2025-2030					
1.29	Thủy điện Nậm Li 1	Xã Quảng Nguyên	5,1		5,1	35	cập nhật	2025-2030					
1.30	Thủy điện Sông Nhiệm 3	Xã Niêm Sơn	14,2		14,2	35	cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	14,2			Đã phát điện
1.31	Thủy điện Mận Thẳng 2	Xã Quang Bình	7		7	35	cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	7			Đã phát điện
2	Nhà máy đang vận hành mở rộng nâng công suất và cập nhật chuẩn xác thông số quy hoạch thuộc quy hoạch phát triển điện lực quốc gia			41									
2.1	Thủy điện Thái An	Xã Lũng Tám	82	41	123 Trạm biến áp 50MVA (Phía 110kV trạm Thái An) +	220	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025,				Đang phát điện, mở rộng nâng công suất

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
					63MVA (phía 220kV trạm Thuận Hòa)								
3	Các nhà máy đang vận hành điều chỉnh nâng công suất và cập nhật chuẩn xác thông số quy hoạch			68,9									
3.1	Thủy điện Thanh Thủy 2	Xã Lao Chải và xã Thanh Thủy	9	3	12 Trạm biến áp 25MV A	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		3		Đang phát điện, nâng công suất
3.2	Thủy điện Thanh Thủy 1	Xã Lao Chải	11	2	13 Trạm biến áp 15MV A	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		2		Đang phát điện, nâng công suất
3.3	Thủy điện Nậm Mạ 1	Xã Tùng Bá, xã Ngọc Đường	20	8	28 Trạm biến áp 26MV A+	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg		8		Đang phát điện, nâng công suất

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
					10MV A				ngày 15/4/2025				
3.4	Thủy điện Nậm Yên	Xã Nậm Dẩn	10	5	15 Trạm biến áp 20MV A	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		5		Đang phát điện, nâng công suất
3.5	Thủy điện Việt Long 2	Xã Việt Lâm, xã Cao Bồ, xã Vị Xuyên	9,6	2,4	12	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	9,6	2,4		Đang phát điện, nâng công suất
3.6	Thủy điện Tả Quan 1	Xã Nậm Dịch	3,2	0,8	4	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		0,8		Đang phát điện, nâng công suất
3.7	Thủy điện Quảng Nguyên	Xã Quảng Nguyên	5	1	6	10	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		1		Đang phát điện, nâng công suất

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
3.8	Thủy điện Nậm Là	Xã Quảng Nguyên	4	2	6 Trạm biến áp 16MV A	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		2		Đang phát điện, nâng công suất
3.9	Thủy điện Nậm Ngần 2	Xã Thượng Sơn, Việt Lâm, Cao Bồ, Vị Xuyên	12,8	3,7	16,5	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		3,7		Đang phát điện, nâng công suất
3.10	Thủy điện Thiên Hồ	Xã Tân Quang	10	4	14	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	10	4		Đang phát điện, nâng công suất
3.11	Thủy điện Xuân Minh	Xã Tiên Nguyên, xã Thông Nguyên	10,5	3,5	14	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	10,5	3,5		Đang phát điện, nâng công suất
3.12	Thủy điện Nậm Hóp	Xã Tiên Nguyên	6	3	9	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	6	3		Đang phát điện, nâng công suất

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
3.13	Thủy điện Mận Thẳng	Xã Quang Bình	9,5	2,5	12 Trạm biến áp 25MV A	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		2,5		Đang phát điện, nâng công suất
3.14	Thủy điện Nậm Ly 2	Xã Quảng Nguyên và xã Khuôn Lùng	3	1	4	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024,	3	1		Đang phát điện, nâng công suất
3.15	Thủy điện Nậm Lang	Xã Du Già, xã Đường Thượng, xã Mậu Duệ, xã Yên Minh	12	4	16	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024,	12	4		Đang phát điện, nâng công suất
3.16	Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Quang	12		12+8	35	Cập nhật, điều chỉnh điện áp đầu nối cho TĐ Nậm Mu hiện hữu từ 35 kV lên 110kV	2026-2030					Đang phát điện,
	Thủy điện Nậm Mu MR (Công suất mở rộng 16MW, nâng công suất giai đoạn 1 là 8MW)			8		110			Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		8		mở rộng nâng công suất

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
3.17	Thủy điện Nậm Má 2	Xã Cao Bồ, xã Vị Xuyên	3,2	10	13,2	22&110	Bổ sung quy hoạch	2026-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025. Mở rộng, thay thế Thủy điện Nậm Má, công suất 3,2 MW đang vận hành phát điện		13,2		Đang vận hành phát điện Thủy điện Nậm Má, công suất 3,2 MW
3.18	Thủy điện Nà Chì (mở rộng, nâng công suất)	Xã Khuôn Lũng	0,16	5	0,16+ 5	35	Bổ sung quy hoạch	2026-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		5		Đang phát điện, mở rộng nâng công suất
4	Các dự án, công trình điều chỉnh công suất, cập nhật, chuẩn xác thông số quy hoạch			17,5									
4.1	Thủy điện Bản Kiếng	Xã Tùng Bá	3,6	1,4	5	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	3,6	1,4		Đang thi công

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
4.2	Thủy điện Tân Lập	Xã Tân Quang	6,6	2,2	8,4	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	6,6	2,2		Đã có chủ trương đầu tư
4.3	Thủy điện Tân Lập 1	Xã Tân Quang	3,2	1	4	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	3,2	1		Đã có chủ trương đầu tư
4.4	Thủy điện Tân Lập 2	Xã Tân Quang	4,3	2,9	7,2	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	4,3	2,9		Đã có chủ trương đầu tư
4.5	Thủy điện Sông Chảy 2	Xã Hoàng Su Phì, xã Nậm Dịch	8	4	12	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	8	4		Đã có chủ trương đầu tư
5	Các dự án, công trình cập nhật, chuẩn xác thông số quy hoạch			16									
5.1	Thủy điện Phong Quang	Phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2, xã Thanh Thủy	18		18	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	18			Chưa có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
5.2	Thủy điện Sông Lô 3	Xã Vị Xuyên, xã Linh Hồ	22		22	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	22			Đang thi công
5.3	Thủy điện Sông Con 3	Xã Hùng An, xã Tiên Yên	15		15	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	15			Đã có chủ trương đầu tư
5.4	Thủy điện Sông Lô 5	Xã Bắc Quang, xã Bằng Hành, xã Đồng Tâm, xã Hùng An, xã Tân Quang	29,7		29,7	110	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	29,7			Đang thi công
5.5	Thủy điện Sông Chảy 1	Xã Nậm Dịch, xã Hoàng Su Phì	5		5	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	5			Đang thi công
5.6	Thủy điện Suối Đỏ	Xã Hoàng Su Phì, xã Bản Máy, xã Xín Mần	11,6		11,6	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	11,6			Đang thi công

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
5.7	Thủy điện Tân Tiến	Xã Tân Tiến, xã Hoàng Su Phì	7		7	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	7			Đang thi công
5.8	Thủy điện Túng Sán 1	Xã Tân Tiến	7		7	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	7			Đang thi công
5.9	Thủy điện Túng Sán 2	Xã Tân Tiến, xã Hoàng Su Phì	10		10	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	10			Đang thi công
5.10	Thủy điện Nậm Khòa	Xã Hồ Thầu, xã Thông Nguyên	6		6	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	6			Đang thi công
5.11	Thủy điện Nậm Má 1	Xã Cao Bồ	7,4		7,4	22	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	7,4			Đang thi công
5.12	Thủy điện Thanh Thủy 1B	Xã Lao Chải	8		8	35	Cập nhật, điều chỉnh vị trí đập và nhà máy	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	8			Đang thi công
5.13	Thủy điện Suối Vầy	Xã Minh Ngọc	5		5	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-	5			Đã có chủ

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
									TTg ngày 28/12/2024,				trương đầu tư
5.14	Thủy điện Mận Thẳng 3	Xã Quang Bình	1,6		1,6	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	1,6			Đã có chủ trương đầu tư
5.15	Thủy điện Cốc Rế 2	Xã Trung Thịnh, xã Xín Mần	5,5		5,5	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Đã có trong QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024,	5,5			Đã có chủ trương đầu tư
5.16	Thủy điện Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	4	4	4	35	Cập nhật, điều chỉnh	2025-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		4		Chưa có chủ trương đầu tư
5.17	Thủy điện Nậm Ly 3	Xã Khuôn Lùng	-	5	5	35	Bổ sung quy hoạch	2026-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		5		Chưa có chủ trương đầu tư
5.18	Thủy điện Nàn Hải	Xã Xín Mần	-	7	7	35	Bổ sung quy hoạch	2026-2030	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		7		Chưa có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
5.19	Thủy điện Tân Bắc	Xã Tân Trịnh, xã Thông Nguyên			5	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2022		5		Chưa có chủ trương đầu tư
5.20	Thủy điện Bản Rịa 1	Xã Yên Thành			5	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2022		5		Chưa có chủ trương đầu tư
5.21	Thủy điện Pắc Pèng	Xã Thông Nguyên			6	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		6		Chưa có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
6	Dự án nguồn thủy điện chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư giai đoạn 2025-2030 được đưa vào vận hành phát điện ở giai đoạn 2031-2035											61,4	
6.1	Thủy điện Nậm Mu MR (mở rộng nâng công suất giai đoạn 1)	Xã Tân Quang	12	8	12+8+8	110	Thực hiện đầu tư đồng bộ với giai đoạn 1, tổng công suất lắp máy mở rộng là 16MW	Phát điện vào năm 2031 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			8	Đang phát điện, mở rộng nâng công suất
	Thủy điện Nậm Mu MR (mở rộng nâng công suất giai đoạn 2)			8									
6.2	Thủy điện Sông Con 1	Xã Khuôn Lũng, xã Quang Bình	4	6	6	35	Cập nhật, điều chỉnh	2033 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			6	Chưa có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
6.3	Thủy điện Cốc Rế 1	Xã Trung Thịnh	4,5	4,5	4,5	35	Cập nhật, điều chỉnh	2031 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2023			4,5	Đã có chủ trương đầu tư
6.4	Thủy điện Sông Chảy 4	Xã Hoàng Su Phì, xã Xín Mần, xã Trung Thịnh	8,4		8,4	35	Cập nhật, điều chỉnh	2033 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2021			8,4	Chưa có chủ trương đầu tư
6.5	Thủy điện Nậm Nừng	Xã Giáp Trung	4		4	35	Cập nhật, điều chỉnh	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2022			4	Đã có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
6.6	Thủy điện Minh Sơn	Xã Minh Sơn, xã Minh Ngọc	9	-5	4	35	Cập nhật, điều chỉnh	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2024			4	Đã có chủ trương đầu tư
6.7	Thủy điện Nấm Dẩn	Xã Nấm Dẩn	12		12	110	Cập nhật, điều chỉnh	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			12	Chưa có chủ trương đầu tư
6.8	Thủy điện Pắc Xum	Xã Minh Tân	4,5		4,5	35	Cập nhật, điều chỉnh	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			4,5	Chưa có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
								cấp có thẩm quyền cho phép)					
6.9	Thủy điện Thông Nguyên	Xã Thông Nguyên	8		8	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			8	Chưa có chủ trương đầu tư
7	Dự án nguồn thủy điện chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư và được đưa vào vận hành phát điện ở giai đoạn 2031-2035											57	
7.1	Thủy điện Nậm Ngần 1	Xã Thượng Sơn			5	35/110	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2023			5	

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
7.2	Thủy điện Nậm Ngàn 3	Xã Thượng Sơn			8,5	35/110	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2024			8,5	
7.3	Thủy điện Nậm Ngàn 4	Xã Thượng Sơn			6,5	35/110	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			6,5	
7.4	Thủy điện Du Già	Xã Du Già			5	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2020			5	

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
7.5	Thủy điện Tiên Nguyên 1	Xã Tiên Nguyên			6	35/110	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2021			6	
7.6	Thủy điện Hữu Sản	Xã Liên Hiệp			5	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2022			5	
7.7	Thủy điện Kim Thạch	Xã Phú Linh, xã Minh Ngọc			5	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2023			5	

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
7.8	Thủy điện Đức Xuân	Xã Liên Hiệp			5	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2024			5	
7.9	Thủy Điện Quảng Nguyên 1	Xã Quảng Nguyên			6	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			6	
7.10	Thủy điện Yên Định	Xã Minh Ngọc			5	35	Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025			5	

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
B	Tỉnh Tuyên Quang Cũ									56,2			
1	Các dự án đã có trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, đã có chủ trương đầu tư									27,2	29	26,5	
1.1	Thủy điện Tuyên Quang (mở rộng)	Xã Nà Hang	120		120	220	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				Chưa có chủ trương đầu tư
1.2	Thủy điện Yên Sơn	Xã Lục Hàng	90		90	220	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				Đang thi công
1.3	Thủy điện Sông Lô 9	Phường An Tường, xã Bình Ca, xã Thái Bình	87		87	220	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				Chưa có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
1.4	Thủy điện Suối Ba 2	Xã Chiêm Hóa, xã Tân An, xã Tân Mỹ	4	3	7	35	Điều chỉnh bổ sung	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024, Nhà đầu tư đề xuất	4	3		Đã có chủ trương đầu tư
1.5	Thủy điện Thác Gióm	Xã Tân Mỹ, xã Minh Quang	5,4		5,4	35	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024, Nhà đầu tư đề xuất	5,4			Đã có chủ trương đầu tư
1.6	Thủy điện Khuôn Cọ	Xã Tân An, xã Tân Mỹ	3		3	35	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024, Nhà đầu tư đề xuất	3			Đã có chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
1.7	Thủy điện Hùng Lợi 1	Xã Hùng Lợi	8		8	35	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024, Nhà đầu tư đề xuất	8			Đã có chủ trương đầu tư
1.8	Thủy điện Hùng Lợi 2	Xã Hùng Lợi	3,5		3,5	35	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024, Nhà đầu tư đề xuất	3,5			Đã có chủ trương đầu tư
1.9	Thủy điện Hùng Lợi 3	Xã Hùng Lợi	3,3		3,3	35	Cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 và QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024, Nhà đầu tư đề xuất	3,3			Đã có chủ trương đầu tư

[illegible]

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
3.1	Thủy điện Nậm Vàng	Xã Thượng Nông, xã Côn Lôn, xã Đường Hồng			10,5	35			Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023			10,5	Chưa có chủ trương đầu tư
3.2	Thủy điện Chiêm Hóa mở rộng	Xã Chiêm Hóa			16 Trạm biến áp 18 MVA	110			Nhà đầu tư đăng ký			16	Chưa có chủ trương đầu tư
B	Nguồn Điện sinh khối												
I	Tỉnh Hà Giang cũ												
1	Dự án điện sinh khối Hà Giang 1 (giai đoạn 2025-2030)	Xã Tân Trịnh hoặc xã Vị Xuyên			32		32MW, Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				
2	Dự án điện sinh khối Hà Giang 2 (giai đoạn 2031-2035)	xã Tân Trịnh hoặc xã Vị Xuyên			18		18MW, Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTTg năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
								cấp có thẩm quyền cho phép)					
II	Tỉnh Tuyên Quang cũ												
1	Dự án điện sinh khối Tuyên Quang (giai đoạn 2025-2030)	Xã Xuân Vân			50	110	50MW, cập nhật	2025-2030	Đã có trong QĐ 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2023	50			Đã có chủ trương đầu tư
2	Dự án điện sinh khối Tuyên Quang (giai đoạn 2025-2030)				32		32MW, Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				
3	Dự án điện sinh khối Tuyên Quang (giai đoạn 2031-2035)				18		18MW, Bổ sung quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				
C	Nguồn điện mặt trời									298			
I	Tỉnh Hà Giang cũ									0	50		

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
1	Tổng công suất điện mặt trời tập trung (giai đoạn 2025-2030)						100MW, bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		15		Chưa chủ trương đầu tư
1.1	Dự án điện mặt trời mặt hồ thủy điện Pake	Xã Pà Vây Sủ			15			2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		35		Chưa có chủ trương đầu tư
1.2	Dự án điện mặt trời mặt hồ thủy điện Sông Chảy 3	Xã Hoàng Su Phì và xã Pờ Ly Ngài			35			2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký				Chưa có chủ trương đầu tư
2	Tổng công suất điện mặt trời mái nhà (giai đoạn 2025-2030)				97		67MW, bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				
3	Tổng công suất điện mặt trời mái nhà (giai đoạn 2031-2035)				4		4MW, bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				
II	Tỉnh Tuyên Quang cũ												
1	Tổng công suất điện mặt trời tập trung (giai đoạn 2025-2030)						198MW, bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025	0	248	0	

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
1.1	Dự án điện mặt trời Sơn Dương 1	Xã Phú Lương			46,5 Trạm biến áp 60MV A	110		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		46,5		Chưa chủ trương đầu tư
1.2	Dự án điện mặt trời Yên Sơn	Phường Mỹ Lâm			45 Trạm biến áp 60MV A	110		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		45		Chưa chủ trương đầu tư
1.3	Dự án điện mặt trời Phúc Ứng	Xã Sơn Dương			45 Trạm biến áp 60MV A	110		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		45		Chưa chủ trương đầu tư
1.4	Dự án điện mặt trời Sơn Dương	Xã Sơn Dương			35 Trạm biến áp 45MV A	110		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		35		Chưa chủ trương đầu tư
1.5	Dự án điện mặt trời bờ phải Nhà máy Thủy điện Chiêm Hóa	Xã Chiêm Hóa			29 Trạm biến áp 38MV A	110		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		29		Chưa chủ trương đầu tư
1.6	Dự án điện mặt trời Sông Lô 8B	Xã Yên Sơn			7,5 Trạm biến áp	110		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		7,5		Chưa chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
					10MV A								
1.7	Dự án điện mặt trời nổi Thủy điện Tuyên Quang	Trên hồ thủy điện Tuyên Quang			40 Trạm biến áp 52MV A	110		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký		40		Chưa chủ trương đầu tư
2	Tổng công suất điện mặt trời mái nhà (giai đoạn 2025-2030)												
2.1	Điện mặt trời Woodland Tuyên Quang	Xã Yên Sơn			12	35		2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký; trong phân bổ công suất tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		12		Chưa chủ trương đầu tư
2.2	Tổng công suất điện mặt trời mái nhà (giai đoạn 2031-2035)				9		9MW	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025				
2.3	Dự án điện mặt trời nổi Tuyên Quang 1 (giai đoạn 2031-2035) (Trên hồ thủy điện Tuyên Quang)	Trên hồ thủy điện Tuyên Quang			80	220	80MW	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		80		Chưa chủ trương đầu tư

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
								2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)					
2.4	Dự án điện mặt trời nổi Tuyên Quang 2 (giai đoạn 2031-2035) (Trên hồ thủy điện Tuyên Quang)	Trên hồ thủy điện Tuyên Quang			120	220	120MW	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025		120		Chưa chủ trương đầu tư
D	Nguồn điện gió												
1	Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì, Thông Nguyên, Hồ Thầu, Nậm Dịch, Thàng Tín, Bản Máy, Pò Ly Ngải, Tân Tiến			50			2026- 2030	Nghiên cứu lập hồ sơ đề xuất xin chủ trương đầu tư.				
2	Vị Xuyên - Quản Bạ	Lao Chải, Thanh Thủy, Phú Linh, Linh Hồ, Bạch Ngọc, Vị						2026-2030	Nghiên cứu lập hồ sơ đề xuất xin chủ trương đầu tư.				

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
		Xuân, Việt Lâm, Minh Tân, Thuận Hoà, Tùng Bá, Thượng Sơn, Cao Bồ, Quán Bạ và xã xã khác			50								
3	Bắc Mê	Yên Cường, Đường Hồng, Bắc Mê, Minh Ngọc, Minh Sơn, Giáp Trung			50			2026-2030	Nghiên cứu lập hồ sơ đề xuất xin chủ trương đầu tư.				
4	Yên Minh – Mèo Vạc	Sơn Vĩ, Mèo Vạc, Khâu Vai, Niêm Sơn, Tát Ngà, Thảng Mố, Bạch Đích, Yên Minh, Mậu Duệ, Du Già, Ngọc Long Đường Thượng và các xã khác			50			2026-2030	Nghiên cứu lập hồ sơ đề xuất xin chủ trương đầu tư.				

TT	Tên công trình/dự án	Địa điểm xây dựng (dự kiến)	Công suất hiện hữu	Công suất tăng, giảm (MW)	Công suất sau quy hoạch (MW)	Cấp điện áp đầu nối	Nội dung bổ sung, điều chỉnh, cập nhật	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú	Dự án cập nhật theo QĐ 262/QĐTT g năm 2024 và QĐ 1682/QĐ-TTg năm 2024	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ số 768/QĐ-TTg năm 2025	Các dự án được phân bổ công suất tăng thêm theo QĐ 768/QĐ-TTg năm 2025 giai đoạn 2031-2035	Tình hình thực hiện
5	Kiến Thiết	Kiến Thiết			50			2026-2030	Nghiên cứu lập hồ sơ đề xuất xin chủ trương đầu tư.				
6	Tân Long	Tân Long			50			2026-2030	Nghiên cứu lập hồ sơ đề xuất xin chủ trương đầu tư.				
E	Nguồn điện khác: thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.												

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án phát triển nguồn điện trên địa bàn căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án thủy điện đang vận hành chỉ được thực hiện điều chỉnh công suất khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các quy định về quy hoạch, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.
- Tên, vị trí, quy mô, công suất, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư (cấp mới), quyết định điều chỉnh dự án để đảm bảo và phù hợp với tình hình triển khai thực tế của dự án.
- Các dự án nguồn điện, lưới điện cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các thông số cơ bản sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn lập Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh điều chỉnh, chấp thuận chủ trương đầu tư, lập dự án đầu tư.
- Việc đầu tư các dự án đã được quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030, dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.
- Các dự án bổ sung quy hoạch khu vực Xín Mần - Hoàng Su Phì (cũ) gồm Điện mặt trời lòng hồ thủy điện Pa Ke, điện mặt trời thủy điện Sông Chảy 3, thủy điện Nàn Hải, thủy điện Nà Chì, thủy điện Sông Con 1, thủy điện Nậm Ly 3 chỉ được thực hiện đầu tư khi tham gia đầu tư cải tạo và xây dựng mới tuyến đường dây 110kV đã được quy hoạch để đảm bảo truyền tải hết công suất của khu vực.

PHỤ LỤC 3.2:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN CẬP NHẬT VÀO QUY HOẠCH TỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2030 VÀ SAU NĂM 2030

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	Tỉnh Hà Giang cũ				
I	Công trình lưới điện 500kV				
1	Trạm biến áp 500kV Hà Giang	1800 MVA	Xây mới, bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2	Đường dây 500kV Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên	2x180 km	Xây mới, bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
II	Công trình lưới điện 220kV				
1	Trạm biến áp 220kV Hà Giang	375 MVA	Cải tạo, nâng công suất. Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2	Trạm biến áp 220kV Hà Giang	500 MVA	Cải tạo, nâng công suất. Cập nhật quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
3	Trạm biến áp 220kV Hà Giang 2	250 MVA	Xây mới, bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
4	Trạm biến áp 220kV Bắc Quang	500 MVA	Cải tạo, nâng công suất. Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
5	Đường dây 220kV Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang)	2x55 km	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6	Đường dây 220kV nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ Thủy điện Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên	93km (cho phép đầu tư mạch kép 2x93km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
7	Đường dây 220kV treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc	1x30 km	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
8	Đường dây 220kV Bảo Lâm - Bắc Mê	2x30km	Xây mới, bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
9	Đường dây 220kV Hà Giang 2 - Hà Giang 500kV	2x10km	Xây mới, bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
10	Đường dây 220kV Hà Giang 500kV - Rẽ Hà Giang - TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên	4x10km	Xây mới, bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
III	Công trình lưới điện 110kV				
1	Đường dây 110kV				
1.1	110kV Hà Giang - TC 110kV trạm 220kV Hà Giang	1x8 (cho phép đầu tư mạch kép 2x8km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.2	TC 110kV trạm 220kV Hà Giang - Bắc Mê	1x23 (cho phép đầu tư mạch kép 2x23km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.3	Trạm 110kV Bảo Lâm - Bắc Mê	1x26,4 (cho phép đầu tư mạch kép)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		2x26,4km để đảm bảo tiêu chí N-1)			
1.4	Nhánh rẽ trạm 110kV Thanh Thủy	2x1,5	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.5	Nhánh rẽ 110kV Việt Lâm	2x1,5	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.6	TĐ Sông Lô 2 - TC 110kV Trạm 220kV Hà Giang	1x15	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.7	TĐ Sông Lô 3 - TĐ Sông Lô 2	1x10	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.8	Sông Chảy - Hoàng Su Phì	1x19	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.9	Hoàng Su Phì - Tân Lập	2x32	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Tạm thời cho phép đầu nối thẳng tới thanh cái 110kV của trạm biến áp 220kV Bắc Quang, sau khi TBA 110kV Tân Lập thuộc dự án Thủy điện Tân Lập đưa vào vận hành thì đường dây đầu nối vào thanh cái của trạm 110kV Tân Lập
1.10	Tân Lập - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang	2x23	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.11	Trạm 220kV Bắc Quang điểm nối T nhánh rẽ TĐ Sông Chũng, Sông Chảy	2x29,4	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.12	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Bắc Quang	4x13,4	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.13	110 Yên Minh - Mèo Vạc - TC 110kV trạm 220kV Bảo Lâm	2x45	Cập nhật, điều chỉnh quy hoạch	2025-2030	
1.14	Nhánh rẽ trạm 110kV Quang Bình	2x2	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.15	Hà Giang - Bình Vàng - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang	1x57,7	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.16	Trạm 110kV Bắc Quang - Yên Thế - Lục Yên (Yên Bái)	1x40 (cho phép đầu tư mạch kép	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		2x40km để đảm bảo tiêu chí N-1)			
1.17	TC 110kV trạm 220kV Hà Giang - Yên Minh	2x74,98	Cập nhật, điều chỉnh quy hoạch	2025-2030	
1.18	TĐ Sông Chừng - TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang	1x30	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.19	TC 110kV trạm 220kV Bắc Quang - Sông Chảy	1x40,3 (cho phép đầu tư mạch kép 2x40,3km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật, điều chỉnh quy hoạch	2025-2030	
1.20	Đường dây 110 KV đấu nối Nhà máy điện mặt trời mặt hồ thủy điện Pake	1x1	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
1.21	Đường dây 110kV đấu nối thủy điện Sông Lô 5	1x15	điều chỉnh quy hoạch	2025-2030	
1.22	Đường dây 110kV đấu nối thủy điện Sông Lô 3	2x0,8	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.23	Đường dây 110kV đấu nối thủy điện Sông Con 3	2x5	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.24	Đường dây 110kV đấu nối thủy điện Phong Quang	2x2	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
1.25	Đường dây 110kV đấu nối thủy điện Nấm Dẩn	2x1	Cập nhật quy hoạch	2031-2035 (Chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công trong giai đoạn 2026-2030, phát điện trong giai đoạn 2031-2035 hoặc sớm hơn khi được cấp có thẩm quyền cho phép)	

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.26	Rẽ 110kV trạm gom điện mặt trời hồ thủy điện Sông chảy 3	1x5	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
1.27	Rẽ 110kV trạm 110kV Nậm Mu mở rộng	2x1	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
1.28	Rẽ 110kV trạm 110kV Nậm Má 2	2x5	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2	Trạm 110kV	MVA			
a)	Xây dựng mới				
1	Thanh Thủy	2x25 (cho phép nâng lên 1x25 + 1*40 để đảm bảo đủ tải cho khu vực CK)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
2	Bắc Mê	25 (cho phép nâng lên 1x25+1*40 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
3	Việt Lâm	25 (cho phép nâng lên 1x25+1*40 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
4	Mèo Vạc	25	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
5	Quang Bình	25 (cho phép nâng lên 1x25+1*40 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
6	Gom Hoàng Su Phì	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
7	Gom Tân Lập	25	Cập nhật, điều chỉnh quy hoạch	2025-2030	
8	Gom Mận Thẳng	25	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Gom Nậm Là - Quảng Nguyên	16	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
10	Gom Xuân Minh	63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
11	Trạm 110kV Sông Lô 5	42	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
12	Trạm 110kV Sông Lô 3	28	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
13	Trạm 110kV Sông Con 3	20	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
14	Trạm 110kV Phong Quang	2x12,5	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
15	Trạm 110kV Nậm Dẩn	16	Cập nhật quy hoạch	2031-2035	
16	Gom Sông Chảy 3	55	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	
17	Trạm gom Pa Ke	20	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	
18	Trạm 110kV Nậm Mu mở rộng	16+20	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Chuyển đổi đầu nối cho TĐ Nậm Mu hiện có từ lưới 35 kV sang lưới 110kV đồng bộ với NMTĐ Nậm Mu MR
19	Trạm 110kV Nậm Má 2	16	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	
b)	Mở rộng, nâng công suất			2025-2030	
1	Bình Vàng	2x40 (cho phép nâng lên 2x63 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
2	Bắc Quang	2x40 (cho phép nâng lên 2x63 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
3	Sông Chảy	2x63 hoặc 1x40 + 1x63	Cập nhật, điều chỉnh quy hoạch	2025-2030	
4	Yên Minh	2x25 (cho phép nâng lên 2x63 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Hà Giang	40+63 (cho phép nâng lên 2x63 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
IV	Công trình lưới điện trung, hạ áp				
1	Công trình lưới điện trung, hạ áp (bao gồm xây dựng mới và cải tạo)		Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch	2025-2030	
2	Đầu nối các nhà máy điện		Đồng bộ với các nhà máy điện	2025-2030	Chủ đầu tư đề xuất
A	Tỉnh Tuyên Quang cũ				
I	Công trình lưới điện 500kV				
1	Yên Bái - Thái Nguyên	2x100 km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
II	Công trình lưới điện 220kV				
1	Trạm biến áp				
1.1	Trạm biến áp 220kV Tuyên Quang	500 MVA	Cải tạo, nâng công suất. Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
1.2	Trạm biến áp 220 kV Thủy điện Tuyên Quang	250 MVA	Cải tạo, nâng công suất. Bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
1.3	Trạm biến áp 220kV Sơn Dương	500 MVA	Xây mới, bổ sung quy hoạch	2031-2035	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2	Đường dây 220 kV				Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2.1	Thủy điện Yên Sơn - rẽ Thủy điện Tuyên Quang-Tuyên Quang	2x8km	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2.2	Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang	2x36 km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.3	Thủy điện Tuyên Quang mở rộng – Thủy điện Tuyên Quang	1x1km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2.4	Thủy điện Sông Lô 9 - Rẽ Tuyên Quang – Phú Bình	2x2km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2.5	Thủy điện Tuyên Quang – rẽ Hà Giang – Thái Nguyên và Thủy điện Bắc Mê – Thái Nguyên	4x1km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
2.6	Sơn Dương – Rẽ Tuyên Quang –Đại Từ	2x2km	Bổ sung quy hoạch		Đã có trong QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025
III	Công trình lưới điện 110kV				
1	Trạm biến áp (TBA) 110 kV				
1.1	TBA 110kV Tuyên Quang	2x63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.2	TBA 110kV Gò Trầu	2x63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.3	TBA 110kV Chiêm Hóa	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.4	TBA 110kV Sơn Dương	2x40 (cho phép nâng lên 2x63 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.5	TBA 110kV Long Bình An	2x63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.6	TBA 110kV Hàm Yên	2x40 (cho phép nâng lên 2x40 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.7	TBA 110kV Lâm Bình	2x25	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.8	TBA 110kV Na Hang	2x25	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.9	TBA 110kV Vĩnh Thái	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.10	TBA 110kV Sơn Nam	1x25+1x40 (cho phép nâng lên 2x63 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.11	TBA 110kV Tân Trào	1x25+1x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.12	TBA 110kV Yên Sơn	1x40+1x63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.13	TBA 110kV Tuyên Quang 2	2x40 (cho phép nâng lên 2x63 để đảm bảo đủ tải)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.14	TBA 110kV Chiêm Hóa 2	1x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.15	TBA 110kV Hồng Lạc	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.16	TBA 110kV Phú Lâm	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.17	TBA 110kV Hàm Yên 2	1x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.18	TBA 110kV Nhữ Khê	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.19	TBA 110kV Đội Cấn	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.20	TBA 110kV Tam Đa	2x40	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.21	TBA 110kV Thái Sơn	2x63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.22	TBA 110kV Thành Long	2x63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.23	TBA 110kV Thủy điện Suối Ba 2	1x16	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
1.24	TBA 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang	2x63	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2	Đường dây 110kV			2025-2030	
2.1	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang chuyển tiếp ĐZ Hàm Yên - Điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	36 km (cho phép đầu tư mạch kép 2x36km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.2	Đường dây 110kV TBA 220kV Thủy điện Tuyên Quang - Chợ Đồn	70 km	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.3	Rẽ nhánh TBA 110kV Tân Trào	10 km (cho phép đầu tư mạch kép 2x10km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.4	Rẽ nhánh TBA 110kV Sơn Nam	20km (cho phép đầu tư mạch kép 2x20km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.5	Rẽ nhánh TBA 110kV Vĩnh Thái	10km (cho phép đầu tư mạch kép 2x10km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.6	Đường dây 110kV Chiêm Hóa - Suối Ba 2	7km	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.7	Rẽ nhánh TBA 110kV Yên Sơn	0,5km (cho phép đầu tư mạch kép 2x0,5km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.8	Đường dây 110kV Chiêm Hóa - Chiêm Hóa 2	15km (cho phép đầu tư mạch kép 2x15km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.9	Đường dây 110kV Sơn Dương - Sơn Nam	25km (cho phép đầu tư mạch kép 2x25km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.10	Đường dây 110kV Sơn Nam - Hồng Lạc	30km (cho phép đầu tư mạch kép 2x30km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.11	Đường dây 110kV Tuyên Quang 2 - Phú Lâm	6km (cho phép đầu tư mạch kép 2x6km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.12	Đường dây 110kV Phú Lâm - Nhữ Khê	8km (cho phép đầu tư mạch kép 2x8km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.13	Rẽ nhánh TBA 110kV Hàm Yên 2	1,5km (cho phép đầu tư	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		mạch kép 2x1,5km để đảm bảo tiêu chí N-1)			
2.14	Rẽ nhánh TBA 110kV Nhữ Khê	15km (cho phép đầu tư mạch kép 2x15km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.15	Rẽ nhánh TBA 110kV Đội Cấn	12km (cho phép đầu tư mạch kép 2x12km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.16	Rẽ nhánh TBA 110kV Tam Đa	5km (cho phép đầu tư mạch kép 2x5km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.17	Rẽ nhánh TBA 110kV Thái Sơn	3km (cho phép đầu tư mạch kép 2x3km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.18	Rẽ nhánh TBA 110kV Thành Long	3km (cho phép đầu tư mạch kép 2x3km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.19	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Xi măng Tân Quang - Bắc Quang	95km (cho phép đầu tư mạch kép	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		2x95km để đảm bảo tiêu chí N-1)			
2.20	Đường dây 110kV Hàm Yên - Chiêm Hóa	41km (cho phép đầu tư mạch kép 2x41km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.21	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - Thủy điện Thác Bà	17,5km (cho phép đầu tư mạch kép 2x17,5km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.22	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 220kV Thái Nguyên	100km (cho phép đầu tư mạch kép 2x100km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.23	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Tuyên Quang - TBA 110kV Tuyên Quang	9,3km (cho phép đầu tư mạch kép 2x9,3km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.24	Đường dây 110kV mạch kép đầu nối từ trạm biến áp 110kV Điện sinh khối Tuyên Quang chuyển tiếp trên đường dây 110kV Hàm Yên - Xi măng Tân Quang	10km (cho phép đầu tư mạch kép 2x10km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2.25	Đường dây 110 KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương 1	5km (cho phép đầu tư mạch kép 2x5km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		để đảm bảo tiêu chí N-1)			
2.26	Đường dây 110 KV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Yên Sơn	7km (cho phép đầu tư mạch kép 2x7km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.27	Đường dây 110 KV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Phúc Ứng	3km (cho phép đầu tư mạch kép 2x3km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.28	Đường dây 110 KV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Sơn Dương	2km (cho phép đầu tư mạch kép 2x2km để đảm bảo tiêu chí N-1)	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.29	Đường dây 110 KV đấu nối Nhà máy điện mặt trời bờ phải Nhà máy Thủy điện Chiêm Hóa	1km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.30	Đường dây 110 KV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Sông Lô 8B	1km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.31	Đường dây 110 KV đấu nối Thủy điện Chiêm Hóa mở rộng	0,5km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.32	Đường dây 110 KV đấu nối Thủy điện Sông Lô 8B mở rộng	0,5km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.33	Đường dây 110 KV đấu nối Dự án điện mặt trời nối Thủy điện Tuyên Quang	10km	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	Nhà đầu tư đăng ký
2.36	Các đường dây 110 kV		Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
IV	Công trình lưới điện trung, hạ áp				

STT	Tên công trình/dự án	Quy mô	Nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Công trình lưới điện trung, hạ áp		Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch	2025-2030	
	Đầu nối nhà máy thủy điện Suối Ba 2	5km	Điều chỉnh Quy hoạch	2025-2030	Chủ đầu tư đề xuất
	Đầu nối các nhà máy điện		Đồng bộ với các nhà máy điện	2025-2030	Chủ đầu tư đề xuất
V	Các trạm sạc				
1	Khu vực phường Minh Xuân, An Tường, Bình Thuận, Nông Tiến, Mỹ Lâm	Tối thiểu 05 trạm	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
2	Khu vực các xã Quán Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc	Tối thiểu 03 trạm/xã	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	
3	Khu vực các xã Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Nà Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa	Tối thiểu 02 trạm/xã	Cập nhật quy hoạch	2025-2030	Đã có trong QĐ 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023
4	Khu vực phường Hà Giang 1, Hà Giang 2; các xã Đồng Văn, Mèo Vạc, Thanh Thủy	Tối thiểu 05 trạm	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	
5	Khu vực các xã Ngọc Đường, Bắc Quang, Vị Xuyên, Ngọc Đường, Bắc Mê, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh, Quán Bạ, Quang Bình	Tối thiểu 03 trạm/xã	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	
6	Các xã còn lại	Tối thiểu 01 trạm/xã	Bổ sung quy hoạch	2025-2030	
V	Công trình điện khác: thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.				

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, công suất, thời gian thực hiện cụ thể, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình điện sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư (cấp mới), quyết định điều chỉnh dự án để đảm bảo và phù hợp với tình hình triển khai thực tế của dự án.

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

STT	Dự án, công trình thương mại	Số lượng dự kiến	Ghi chú
I	Mạng lưới chợ	Số lượng chợ đầu tur xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo (tối thiểu)	
1	Xây mới, cải tạo, nâng cấp chợ các xã, phường: Kim Bình, Thắng Mổ, Yên Nguyên, Hùng An, Cán Tỷ, Cao Bồ, Đông Yên, Hồ Thầu, Hùng Đức, Khuôn Lùng, Lục Hành, Lũng Phìn, Nghĩa Thuận, Niêm Sơn, Quảng Nguyên, Tân An, Tri Phú, Trung Thịnh, Tùng Bá, Việt Lâm, Liên Hiệp, Minh Ngọc, Đường Thượng, Hàm Yên, Bạch Xa, Lao Chải, Sơn Vĩ, Lũng Cú, Nà Hang, Bình Thuận và các chợ thuộc các xã, phường khác phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế của địa phương và pháp luật chuyên ngành	38	Các xã phường bố trí quỹ đất phục vụ xây mới, cải tạo, nâng cấp các chợ phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế của địa phương và pháp luật chuyên ngành.
2	Xem xét xây dựng chợ đầu mối (vị trí dự kiến tại xã Hùng An và xã Phú Lương)	2	
3	Đưa ra khỏi quy hoạch Chợ trung tâm đô thị Hà Giang (nay là chợ Trần Phú, phường Hà Giang 2)	1	Không đảm bảo về quy mô diện tích đất chợ để nâng cấp lên chợ hạng 1
II	Trung tâm hội chợ, triển lãm	Số lượng đầu tư xây dựng (tối thiểu)	
1	Trung tâm hội chợ, triển lãm tại đô thị Tuyên Quang	1	
2	Trung tâm hội chợ, triển lãm tại đô thị Hà Giang 1	1	
III	Khu logistics	Số lượng đầu tư xây dựng (tối thiểu)	
1	Khu logistics tại đô thị Tuyên Quang, xã Sơn Dương, Sơn Thủy, Bắc Quang, Vị Xuyên, Thanh Thủy và khu logistics tại khu công nghiệp và vị trí khác phù hợp với yêu cầu phát triển.	6	Các xã, phường bố trí quỹ đất xây dựng khu logistics phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế của địa phương và pháp luật chuyên

STT	Dự án, công trình thương mại	Số lượng dự kiến	Ghi chú
			ngành.
IV	Kho xăng dầu	Số lượng đầu tư xây dựng (tối thiểu)	
1	Kho xăng dầu tại phường Bình Thuận quy mô khoảng 5.000m ³	1	
2	Kho xăng dầu tại xã Tân Quang quy mô khoảng 2.000-4.000m ³	1	
V	Cửa hàng xăng dầu	Số lượng đầu tư xây dựng (tối thiểu)	
1	Cửa hàng xăng dầu tại các xã Thắng Mố, Cao Bồ, Thái Bình, Việt Lâm, Đường Hồng, Ngọc Long, Vĩnh Tuy, Bạch Xa, Lao Chải, Ngọc Đường và cửa hàng xăng dầu tại các vị trí phù hợp khác theo quy định đối với cửa hàng kinh doanh xăng dầu	13	Các xã, phường bố trí quỹ đất để xây dựng tối thiểu 01 cửa hàng xăng dầu gắn với trạm sạc theo nhu cầu, tình hình thực tế của địa phương và pháp luật chuyên ngành.
VI	Trung tâm thương mại	Số lượng đầu tư xây dựng (tối thiểu)	
1	Trung tâm thương mại tại các phường; các xã được quy hoạch xây dựng đô thị; các xã: Phú Lương, Hồ Thầu, Niêm Sơn, Lao Chải và trung tâm thương mại khác tại vị trí phù hợp trên địa bàn tỉnh.	5	Các xã, phường bố trí quỹ đất để xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế của các địa phương và pháp luật chuyên ngành.
VII	Siêu thị	Số lượng đầu tư xây dựng (tối thiểu)	
1	Thu hút đầu tư xây dựng siêu thị tại các khu vực đô thị, nông thôn và vị trí phù hợp trên địa bàn tỉnh	2	Các xã, phường bố trí quỹ đất để xây dựng siêu thị phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế của địa phương và pháp luật chuyên ngành.

STT	Dự án, công trình thương mại	Số lượng dự kiến	Ghi chú
VIII	Kho khí hoá lỏng	Số lượng đầu tư xây dựng (tối thiểu)	
1	Kho chứa chai tập trung với công suất từ 3.000-5.000 chai/kho tại đô thị Hà Giang và xã Bắc Quang	2	
2	- Xây mới tối thiểu 01 trạm triết nạp khí hóa lỏng với quy mô dự kiến từ 2.000 - 4.000 tấn/năm và 01 kho chứa chai tập trung với công suất từ 3.000-5.000 chai/kho tại khu vực Bắc Quang hoặc lân cận. - Đầu tư xây dựng mới cơ sở chiết nạp LPG có quy mô công nghiệp tại các xã/phường có nhu cầu, đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật	2	
IX	Hạ tầng thương mại khác: Thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư (cấp mới), quyết định điều chỉnh dự án để đảm bảo và phù hợp với tình hình triển khai thực tế của dự án.